

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN**

Năm 2017



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	07 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	10-11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm 2017	12 – 29



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty TNHH Một Thành Viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn (Được chuyển đổi từ Thảo Cẩm Viên Sài Gòn, GCNĐKKD số: 4106000223, cấp ngày 31/12/1997, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh)

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Thảo Cẩm Viên Sài Gòn trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải thành Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0300426374 đăng ký lần 02 ngày 31 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Hoạt động công ích: Quản lý các hoạt động giải trí Thảo cẩm viên; Duy tu, bảo dưỡng chuồng trại và chăm sóc phát triển các loại thú, cây xanh trong khu vực; Tổ chức hoạt động về giáo dục bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm cho các đối tượng: học sinh, sinh viên và du khách; Nghiên cứu khoa học, phục vụ công tác chăm sóc, phát triển và nhân giống bảo tồn các loài động thực vật quý hiếm: Tư vấn, thi công, trang trí ngoại thất, tiểu cảnh, sân vườn.

Hoạt động kinh doanh khác: kinh doanh các dịch vụ Thảo cẩm viên

Trụ sở chính đặt tại: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng thành viên bao gồm:

Ông Phạm Quốc Hưng	Chủ tịch	(bỏ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2012)
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên	(bỏ nhiệm ngày 25 tháng 10 năm 2010)

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 26 tháng 07 năm 2016)
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 02 tháng 05 năm 2017)

Kiểm soát viên bao gồm :

Ông Nguyễn Ngọc Thúc	Kiểm soát viên	(bỏ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2015)
----------------------	----------------	--------------------------------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018



Phạm Văn Tân

05011
CÔNG
CHÍNH
H VU
CHÍNH
A KIỂM
PHÍA
- T.P.

26374
NG TY
HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
CẨM VIÊN
SÀI GÒN
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 108./BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn***Kính gửi: - Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn được lập ngày 12 tháng 03 năm 2018 từ trang 07 đến trang 29 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Thảo Cẩm Viên Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



Đình Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2018-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		86.637.069.724	78.255.675.517
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		48.341.216.532	40.471.823.175
1. Tiền	111	V.1	48.341.216.532	40.471.823.175
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.694.157.988	36.737.336.386
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	14.210.443.124	14.003.472.724
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	20.576.303.828	22.234.841.815
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	907.411.036	499.021.847
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		2.548.735.745	1.046.515.956
1. Hàng tồn kho	141	V.5	2.548.735.745	1.046.515.956
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.959.459	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	52.959.459	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		636.450.502.853	638.809.641.525
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		35.142.654.224	35.060.803.367
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	35.142.654.224	35.060.803.367
- Nguyên giá	222		91.471.159.629	85.986.064.542
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(56.328.505.405)	(50.925.261.175)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		601.161.654.381	603.579.784.291
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	601.161.654.381	603.579.784.291
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		146.194.248	169.053.867
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	146.194.248	169.053.867
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		723.087.572.577	717.065.317.042

01172
CÔNG T
NHIỆM HỮ
VỤ TƯ
CÍNH KẾ
KIỂM TC
PHÍA NAI
T.P.HỒ

374-C
TY
HỮU H
VIÊN
VIÊN
GÒN
CHI P

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		41.427.091.378	36.583.736.078
I. Nợ ngắn hạn	310		41.386.569.924	36.571.247.624
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	6.691.963.393	2.697.899.815
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	759.343.911	1.186.721.018
4. Phải trả người lao động	314	V.11	31.748.597.844	28.176.906.246
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	5.338.595	313.077.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.809.169.824	2.890.211.228
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.14	372.156.357	1.306.432.317
II. Nợ dài hạn	330		40.521.454	12.488.454
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		40.521.454	12.488.454
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		681.660.481.199	680.481.580.964
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	681.506.878.994	680.286.722.171
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.150.799.272	61.150.799.272
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.150.799.272	61.150.799.272
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		580.834.471	580.834.471
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.435.907.106)	(2.632.603.929)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.586.311.728)	(3.576.992.858)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		1.150.404.622	944.388.929
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		621.211.152.357	621.187.692.357
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		153.602.205	194.858.793
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		153.602.205	194.858.793
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		723.087.572.577	717.065.317.042

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Tuấn Kiệt

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Trần Thị Hân

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	100.685.875.628	86.751.768.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		100.685.875.628	86.751.768.409
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86.133.441.977	74.006.599.663
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.552.433.651	12.745.168.746
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	156.676.071	207.499.891
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.769.495.482	10.756.797.687
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.939.614.240	2.195.870.950
11. Thu nhập khác	31	VI.4	281.230.614	2.211.083.228
12. Chi phí khác	32	VI.5	694.224.435	3.204.213.078
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(412.993.821)	(993.129.850)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.526.620.419	1.202.741.100
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	306.463.596	258.352.171
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.9	1.220.156.823	944.388.929

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Tuấn Kiệt

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Thị Hân

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Tân

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: 02 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.526.620.419	1.202.741.100
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		5.403.244.230	4.731.596.576
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(368.740)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(156.676.071)	536.872.216
- Chi phí lãi vay	06			
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.773.188.578	6.470.841.152
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		990.218.939	(6.525.131.298)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.502.219.789)	1.364.979.155
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.866.815.300	8.678.748.095
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		22.859.619	(1.203.022.200)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(411.850.316)	(171.917.562)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			42.380.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			(1.061.899.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.739.012.331	7.594.977.438
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.026.295.045)	(8.852.855.084)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			65.999.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác chia	26			
	27		156.676.071	207.131.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.869.618.974)	(8.579.723.934)

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: 02 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
20+30+40)	50		7.869.393.357	(984.746.496)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		40.471.823.175	41.456.200.931
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo	61			368.740
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		48.341.216.532	40.471.823.175

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Nguyễn Tuấn Kiệt

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Thị Hân

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Tân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Thảo Cẩm Viên Sài Gòn trực thuộc Sở Giao Thông Vận Tải thành Công ty TNHH Một thành viên theo quyết định số 4276/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0300426374 đăng ký lần 02 ngày 31 tháng 08 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 617.116.976.729 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm mười bảy tỷ một trăm mười sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công ích.

3. Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ chăm sóc thú và hoa viên, bán vé, cho thuê mặt bằng, nước giải khát, ăn uống, cung cấp cây kiểng, giữ xe.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

6. Nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 285 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 309 người).

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

4.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

4.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

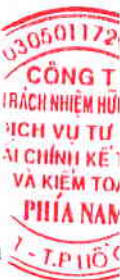
4.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



53,
STI
PH
NHV
M.V
30P
00 C

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:

6.1 Tài sản đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm, dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

6.2 Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát:

Công ty ghi nhận trong báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải trả gánh chịu.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

10.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

12.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

12.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

13.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần

011729
CÔNG TY
THẢO CẨM VIÊN
SÀI GÒN
KIỂM TOÁN
HÓA NAN
T.P. HỒ CHÍ MINH

1263
CÔNG TY
THẢO CẨM VIÊN
SÀI GÒN
T.P. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. **Nguyên tắc kê toán các khoản giảm trừ doanh thu:** Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Chiết khấu thương mại: phải trả là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Bên bán hàng thực hiện kế toán chiết khấu thương mại theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản chiết khấu thương mại cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã trừ chiết khấu thương mại) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại (doanh thu thuần).

Kế toán phải theo dõi riêng khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp chi trả cho người mua nhưng chưa được phản ánh là khoản giảm trừ số tiền phải thanh toán trên hóa đơn. Trường hợp này, bên bán ghi nhận doanh thu ban đầu theo giá chưa trừ chiết khấu thương mại (doanh thu gộp). Khoản chiết khấu thương mại cần phải theo dõi riêng trên tài khoản này thường phát sinh trong các

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

trường hợp như:

Số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp này có thể phát sinh do người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu và khoản chiết khấu thương mại chỉ được xác định trong lần mua cuối cùng;

Các nhà sản xuất cuối kỳ mới xác định được số lượng hàng mà nhà phân phối (như các siêu thị) đã tiêu thụ và từ đó mới có căn cứ để xác định được số chiết khấu thương mại phải trả dựa trên doanh số bán hoặc số lượng sản phẩm đã tiêu thụ.

Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế. Bên bán hàng thực hiện kế toán giảm giá hàng bán theo những nguyên tắc sau:

Trường hợp trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng đã thể hiện khoản giảm giá hàng bán cho người mua là khoản giảm trừ vào số tiền người mua phải thanh toán (giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm) thì doanh nghiệp (bên bán hàng) không sử dụng tài khoản này, doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã giảm (doanh thu thuần).

Chi phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng (đã ghi nhận doanh thu) và phát hành hoá đơn (giảm giá ngoài hoá đơn) do hàng bán kém, mất phẩm chất...

Đối với hàng bán bị trả lại: để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với kinh doanh bất động sản, khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán bất động sản, được trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán. Khi tập hợp đủ hồ sơ, chứng từ hoặc khi bất động sản hoàn thành toàn bộ, thì phải quyết toán số chi phí đã trích trước vào giá vốn hàng bán. Phần chênh lệch giữa số chi phí đã trích trước cao hơn số chi phí thực tế phát sinh được điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán của kỳ thực hiện quyết toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Chi được trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng và phải thuyết minh chi tiết về lý do, nội dung chi phí trích trước cho từng hạng mục công trình trong kỳ.

- Chi được trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành, được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu.

- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (được xác định theo diện tích).

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

16. **Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

17. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tiền mặt	1.767.272.084	2.155.819.257
* Tiền gửi ngân hàng	46.573.944.448	38.316.003.918
- Tiền VND	46.551.479.829	38.293.419.050
- Kho Bạc Nhà Nước TP.HCM	592.618.779	592.500.000
- NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN- CN. Miền Đông	35.240.944.871	851.171.300
- NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN- CN. Bình Triệu	9.528.471.316	31.893.667.074
- NH TMCP Công Thương VN- CN. Tp.HCM	1.189.444.863	4.956.080.676
- Tiền USD	22.464.619	22.584.868
- NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN - CN. Bình Triệu (# 987,89 USD)	22.464.619	22.584.868
Cộng	48.341.216.532	40.471.823.175

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG	Số cuối năm	Số đầu năm
* Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan	13.630.065.724	13.630.065.724
- Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh	13.630.065.724	13.630.065.724
* Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	580.377.400	373.407.000
- Các khách hàng khác	580.377.400	373.407.000
Cộng	14.210.443.124	14.003.472.724

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
* Trả trước cho người bán ngắn hạn	20.576.303.828	22.234.841.815
- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng- Huyện Củ Chi	20.000.000.000	20.000.000.000
- Các nhà cung cấp khác	576.303.828	2.234.841.815
Cộng	20.576.303.828	22.234.841.815

4. PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
* Phải thu ngắn hạn khác	907.411.036		499.021.847	
Kinh phí công đoàn			30.031.858	
Bảo hiểm xã hội	34.073.729		132.181.452	
Tạm ứng	149.079.951		158.645.680	
Bảo hiểm y tế	12.194.153			
Bảo hiểm thất nghiệp	8.208.296			
Nhận ký quỹ, ký cược	5.619.000			
Phải thu khác	698.235.907		178.162.857	
Cộng	907.411.036		499.021.847	

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CÀM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: 02 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	878.223.324		143.260.320	
- Công cụ, dụng cụ	477.477.517		79.280.180	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	782.573.905		597.812.565	
- Hàng hóa	410.460.999		226.162.891	
Cộng	2.548.735.745		1.046.515.956	

6. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Xây dựng cơ bản (dự án Sài Gòn Safari)	597.819.446.108	597.819.446.108
+ Chi phí đền bù, thiệt hại	570.337.243.650	570.337.243.650
+ Chi phí trồng cây xanh giai đoạn 1	2.449.681.665	2.449.681.665
+ Chi phí chuẩn bị đầu tư	2.609.226.000	2.609.226.000
+ Chi phí trồng cây xanh giai đoạn 2	22.423.294.793	22.423.294.793
* Công trình khác	3.342.208.273	5.760.338.183
Cộng	601.161.654.381	603.579.784.291

14-C.1
 TY
 HỮU HẠN
 H VIÊN
 M VIÊN
 SÀI GÒN
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: 02 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Chung trại	Công trình sự nghiệp	Thú nuôi	Cây xanh	Tổng Cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm	29.449.858.835	6.240.594.747	5.298.072.828	25.260.579.843	825.131.735	18.429.898.183	481.928.371	85.986.064.542
- Mua trong năm	2.917.246.364	111.200.000	1.712.857.477			1.417.500.000		6.158.803.841
- Cải tạo sửa chữa								
- Đầu tư XDCB hoàn thành								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	32.367.105.199	6.351.794.747	7.010.930.305	25.260.579.843	825.131.735	19.177.169.929	478.447.871	91.471.159.629
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	23.929.310.930	5.390.976.144	4.915.822.397	16.058.878.759	630.272.945	670.228.254	3.480.500	673.708.754
- Khấu hao trong năm	1.782.664.254	241.109.660	347.944.130	2.990.269.598	41.256.588			5.403.244.230
- Tăng khác								
- Chuyển sang bất động sản đầu tư								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm	25.711.975.184	5.632.085.804	5.263.766.527	19.049.148.357	671.529.533			56.328.505.405
III. Giá trị còn lại								
1. Tại ngày đầu năm	5.520.547.905	849.618.603	382.250.431	9.201.701.084	194.858.790	18.429.898.183	481.928.371	35.060.803.367
2. Tại ngày cuối năm	6.655.130.015	719.708.943	1.747.163.778	6.211.431.486	153.602.202	19.177.169.929	478.447.871	35.142.654.224



CÔNG TY TNHH MTV THẢO CÁO CẢM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: 02 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

* Chi phí trả trước dài hạn

- Công cụ, dụng cụ
- Chi phí sửa chữa
- Chi phí tư vấn

Cộng

Đơn vị tính: VND	
Số cuối năm	Số đầu năm
28.645.143	55.086.806
63.765.468	113.967.061
53.783.637	
146.194.248	169.053.867

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

* Phải trả người bán ngắn hạn chiếm từ 10%

- Công ty CP TV ĐT XD Gia Nguyễn
- Công ty TNHH Công Nghệ Tân Khoa
- Công ty TNHH MTV XD Dũng Lô
- Công ty TNHH Phát Triển Xây Dựng Hoàng Thịnh Phát
- Công ty TNHH TTN-NT Ngô Gia

* Phải trả người bán ngắn hạn khác

- Phải trả người bán khác

Cộng

Giá trị	Số cuối năm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
	Số cuối năm	Số có khả năng trả nợ		Số cuối năm	Số có khả năng trả nợ
4.072.605.552	4.072.605.552	4.072.605.552	1.106.660.832	1.106.660.832	
866.171.578	866.171.578	866.171.578			
712.936.000	712.936.000	712.936.000	393.724.832	393.724.832	
1.551.932.974	1.551.932.974	1.551.932.974	712.936.000	712.936.000	
941.565.000	941.565.000	941.565.000			
2.619.357.841	2.619.357.841	2.619.357.841	1.591.238.983	1.591.238.983	
2.619.357.841	2.619.357.841	2.619.357.841	1.591.238.983	1.591.238.983	
6.691.963.393	6.691.963.393	6.691.963.393	2.697.899.815	2.697.899.815	

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

- Thuế GTGT hàng bán nội địa
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

Phải thu	Phải nộp	Số phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Đã nộp	Phải thu	
494.965.213	7.535.971.498	7.767.709.348		263.227.363
400.109.782	306.463.596	411.850.316		294.723.062
198.862.137	287.744.562	539.566.158	52.959.459	
92.783.886	299.468.027	190.858.427		201.393.486
	486.845.011	486.845.011		
1.186.721.018	8.916.492.694	9.396.829.260	52.959.459	759.343.911

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Tiền lương phải trả

Cộng

Số cuối năm

31.748.597.844

31.748.597.844

Số đầu năm

28.176.906.246

28.176.906.246

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí phải trả khác

Cộng

Số cuối năm

5.338.595

5.338.595

5.338.595

Số đầu năm

313.077.000

313.077.000

313.077.000

13. PHẢI TRẢ KHÁC

* Phải trả bên liên quan

- Công ty TNHH MTV TM DV Đầu tư Phước Lộc

* Phải trả các đơn vị và cá nhân khác

- Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

- Nhận ký quỹ, ký cược

- VP Điều hành Nhà thầu tại TP.HCM (*)

- Phải trả người lao động tiền thuế thu nhập cá nhân

- Kinh phí công đoàn

Cộng

Số cuối năm

1.809.169.824

1.809.169.824

642.000.000

1.063.169.824

1.063.169.824

1.063.169.824

1.063.169.824

104.000.000

1.809.169.824

1.809.169.824

Số đầu năm

535.969.269

535.969.269

2.354.241.959

21.814.256

690.000.000

1.063.169.824

1.063.169.824

579.257.879

2.890.211.228

2.890.211.228

Ghi chú (*): Đây là khoản tiền bồi thường chi phí di dời thú, cây xanh... từ Tổng công ty Xây Dựng số 1- TNHH MTV đại diện bởi Ban điều hành gói thầu 10D theo hợp đồng bồi thường chi phí di dời thú, vật kiến trúc, cây xanh trong khu vực Thảo CàM Viên Sài Gòn thuộc gói thầu 10D - Nhiêu Lộc - Thị Nghè số 19/CC1/BDDH 10D - TCVSG ngày 24/06/2011.

14. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng

Quỹ phúc lợi

Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty

Cộng

Số cuối năm

115.436.460

56.719.897

200.000.000

372.156.357

372.156.357

Số đầu năm

441.072.097

665.360.220

200.000.000

1.306.432.317

1.306.432.317

CÔNG TY TNHH MTV THẢO CẨM VIÊN SÀI GÒN

Địa chỉ: 02 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn kinh phí	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5	
A	1	2	3	4	5	6	
Số dư đầu năm trước	58.691.692.133	612.454.758.736	825.124.471	236.115.381	(3.721.257.717)	668.486.433.004	
- Tăng vốn trong năm trước	1.257.832.658					1.257.832.658	
- Lãi trong năm trước					944.388.929	944.388.929	
- Tăng khác	80.059.481	11.111.981.279				11.192.040.760	
- Giảm vốn trong năm trước							
- Lỗ trong năm trước		(1.257.832.658)		41.256.588		(1.216.576.070)	
- Giảm khác		(1.121.215.000)	(244.290.000)			(1.216.576.070)	
- Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra năm 2015 của Chi cục Tài chính	1.121.215.000				144.264.859	(100.025.141)	
Số dư đầu năm nay	61.150.799.272	621.187.692.357	580.834.471	194.858.793	(2.632.603.929)	680.481.580.964	
- Tăng vốn trong năm nay							
- Lãi trong năm nay					1.220.156.823	1.220.156.823	
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm nay							
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác (*)				41.256.588		41.256.588	
Số dư cuối năm nay	61.150.799.272	621.187.692.357	580.834.471	153.602.205	(1.412.447.106)	681.660.481.199	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

b/ Chi tiết vốn góp chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)	0%		
- Vốn góp của đối tượng khác	100%	61.150.799.272	61.150.799.272
Cộng	100%	61.150.799.272	61.150.799.272

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	61.150.799.272	58.691.692.133
+ Vốn góp tăng trong năm		2.459.107.139
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	61.150.799.272	61.150.799.272
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		
d/ Các quỹ của doanh nghiệp	580.834.471	580.834.471
- Quỹ Đầu tư và phát triển	580.834.471	580.834.471

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	987,89	994,49
Cộng	987,89	994,49

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	100.685.875.628	86.751.768.409
Cộng	100.685.875.628	86.751.768.409

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	86.133.441.977	74.006.599.663
Cộng	86.133.441.977	74.006.599.663

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	156.676.071	207.131.151
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại gốc ngoại tệ		368.740
Cộng	156.676.071	207.499.891

4. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý sắt phế liệu, gỗ, củi		105.935.909
- Thu bồi thường		7.309.091
- Thu tài trợ chương trình kỷ niệm thành lập Thảo Cẩm Viên		2.083.183.475
- Thu nhập khác	281.230.614	14.654.753
Cộng	281.230.614	2.211.083.228

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

5. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ do thanh lý TSCĐ	186.863.743	744.003.367
- Chi phí tổ chức chương trình kỷ niệm 150 năm thành lập công ty		2.456.636.732
- Nộp phạt thuế	2.832.057	3.571.879
- Chi phí khác	504.528.635	1.100
Cộng	694.224.435	3.204.213.078

6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

* Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	8.391.774.933	6.849.408.510
- Chi phí vật liệu quản lý	4.458.480	
- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý	172.132.278	
- Chi phí đồ dùng văn phòng	157.843.843,0	
- Dịch vụ mua ngoài	1.976.147.513	1.585.580.067
- Các khoản chi phí QLDN khác	694.368.340	2.321.809.110
- Chi phí khác bằng tiền	1.372.770.095	
Cộng	12.769.495.482	10.756.797.687

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.206.105.191	16.324.299.724
- Chi phí nhân công	49.421.765.823	48.113.751.843
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.403.244.230	4.731.596.576
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.212.104.162	8.024.271.471
- Chi phí bằng tiền khác	5.934.072.816	6.970.125.383
Cộng	99.177.292.222	84.164.044.997

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	305.747.220	258.352.171
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	716.376	
Cộng	306.463.596	258.352.171

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

9. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG NĂM	Năm nay	Năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	1.526.620.419	1.202.741.100
b- Các khoản điều chỉnh tăng	2.115.681	3.203.139
- Chi phí không hợp lệ	2.115.681	3.571.879
- Lãi do đánh giá CLTG cuối năm		(368.740)
c- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	1.528.736.100	1.205.944.239
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	1.528.736.100	1.205.944.239
+ Các khoản thu nhập khác		
d- Thuế TNDN phải nộp	306.463.596	258.352.171
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	305.747.220	241.188.848
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành	716.376	17.163.323
e- Thuế TNDN còn phải nộp	306.463.596	258.352.171
f- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h=a-e)	1.220.156.823	944.388.929

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:		Năm 2017	Năm 2016
Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	VND
Ủy ban Nhân dân TP.HCM	Nhận tiền tài trợ tổ chức Chương trình kỷ niệm 150 năm thành lập Công ty		1.841.075.385
Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan:		31/12/2017	31/12/2016
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	VND
Ủy ban Nhân dân TP.HCM	Kinh phí hoạt động	13.630.065.724	13.630.065.724

2- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2017 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam.

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Tuấn Kiệt

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Trần Thị Hân

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Tân